HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **XÃ QUỲNH PHỤ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 16/NQ-HĐND	*Quỳnh Phụ, ngày 17 tháng 12 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT
V/v phê duyệt Dự toán thu, chi NSNN xã Quỳnh Phụ năm 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ QUỲNH PHỤ
NHIỆM KỲ 2021 - 2026, KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căm cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Xét Tờ trình số 127/TTr-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã về việc đề nghị phê duyệt dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 xã Quỳnh Phụ; Báo cáo thẩm tra số 31/BC-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ban kinh tế – ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026. Cụ thể như sau:

1. Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2026: 771.822 triệu đồng

   Trong đó:

   - Thu NSNN trên địa bàn: 372.492 triệu đồng
   - Thu trợ cấp ngân sách cấp trên: 356.173 triệu đồng.
   - Thu từ nguồn cải cách tiền lương ngân sách tỉnh: 43.157 triệu đồng

2. Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026: 771.822 triệu đồng

   Trong đó:

   - Chi đầu tư phát triển: 357.850 triệu đồng.
   - Chi tiêu dùng thường xuyên: 400.310 triệu đồng.
   - Chi dự phòng: 13.662 triệu đồng.

Điều 2. Hội đồng nhân dân xã giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Quỳnh Phụ, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 17 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- TT.HĐND tỉnh; Lãnh đạo UBND tỉnh;
- TT.Đảng ủy.TT.HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Nhiễm

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ QUỲNH PHỤ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/QĐ-UBND	*Quỳnh Phụ, ngày 07 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách xã Quỳnh Phụ năm 2026

UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ QUỲNH PHỤ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ các Nghị quyết ngày 17/12/2025 của HĐND xã: số 16/NQ-HĐND về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương xã Quỳnh Phụ năm 2026; số 19/NQ-HĐND về nhiệm vụ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã Quỳnh Phụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách xã Quỳnh Phụ năm 2026 *(Chi tiết theo các biểu kèm theo).*

Điều 2. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã; Thủ trưởng các đơn vị, ban, ngành, đoàn thể và Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: - Như Điều 2; - UBND tỉnh; - Sở Tài chính; - Lưu: VT, PKT.	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH** **Vũ Xuân Hùng**

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ QUỲNH PHỤ

Biểu số: 01

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND xã)

ĐVT: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Trong đó	
			NS tỉnh	NS xã
	Tổng thu NSĐP	**1.266.212,0**	**494.390,0**	**771.822,0**
I	**Thu trên địa bàn**	**866.882,0**	**494.390,0**	**372.492,0**
1	Thu khu vực ngoài quốc doanh	3.100,0	0,0	3.100,0
2	Thuế thu nhập cá nhân	20.900,0	15.920,0	4.980,0
	- Thuế thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản	*19.900,0*	*15.920,0*	*3.980,0*
	- Thuế TNCN từ hoạt động sản xuất KD	*1.000,0*		*1.000,0*
3	Lệ phí trước bạ	13.000,0	8.470,0	4.530,0
	- Lệ phí trước bạ nhà đất	2.100,0	840,0	1.260,0
	- Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	10.900,0	7.630,0	3.270,0
4	Thu phí, lệ phí	150,0		150,0
	- Phí môn bài	*100,0*		*100,0*
	- Các khoản phí do cơ quan, đơn vị thu theo quy định	*50,0*		*50,0*
5	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	30,0		30,0
6	Thuế sử dụng đất phi NN	1.355,0		1.355,0
7	Thu tiền sử dụng đất	*827.850,0*	*470.000,0*	*357.850,0*
8	Thu khác ngân sách	322,0		322,0
	- Thu phạt, tịch thu	50,0		50,0
	- Thu hồi khoản chi năm trước			
	- Phạt an toàn giao thông	50,0		50,0
	- Thu khác ngân sách	222,0		222,0
9	Thu Tại xã	175,0		175,0
	- Thu đền bù thiệt hại			
	- Các khoản thu khác	175,0		175,0
10	Thu nhân dân đóng góp			
II	**Thu chuyển nguồn**			
III	**Thu kết dư năm trước**			
IV	**Trợ cấp NS cấp trên**	**356.173,0**		**356.173,0**
1	Bổ sung cân đối	310.520,0		310.520,0
2	Bổ sung mục tiêu	*45.653,0*		*45.653,0*
V	**Bổ sung CCTL**	**43.157,00**		**43.157,00**

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ QUỲNH PHỤ

Biểu số: 02

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND xã)

ĐVT: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026		
		Tổng cộng	Nguồn BSMT, CCTL tỉnh năm 2026	Dự toán xã giao năm 2026
	Tổng chi ngân sách	**771.822,0**	**88.810,0**	**683.012,0**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**357.850,0**		**357.850,0**
1	Chi đầu tư- XDCB	357.850,0		357.850,0
2	Chi quy hoạch, kiểm kê, đo đạc đất đai			
II	**Chi thường xuyên**	**400.310,0**	**88.810,0**	**311.500,0**
1	***Các hoạt động kinh tế***	***9.357,0***		***9.357,0***
1.1	Sự nghiệp giao thông	1.755,0		1.755,0
1.2	Sự nghiệp nông nghiệp, khuyến nông, khuyến công, khuyến ngư, khuyến diêm, thủy lợi nội đồng; phòng chống lụt bão, thiên tai, phòng chống dịch bệnh	463,0		463,0
1.3	Duy tu bảo dưỡng công trình phục vụ công cộng, sự nghiệp kiến thiết thị chính, tài nguyên địa chính (gồm cả khảo sát giá đất), sự nghiệp kinh tế khác	2.000,0		2.000,0
1.4	Kinh phí dịch vụ công ích thủy lợi	3.507,0		3.507,0
1.5	Kinh phí hỗ trợ hoạt động bảo vệ đất trồng lúa theo Nghị quyết số 775/2025/NQ-HĐND	1.632,0		1.632,0
2	***Chi SN Môi trường***	***4.758,0***		***4.758,0***
3	***Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số***	***736,0***		***736,0***
4	***Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề***	***181.447,5***		***181.447,5***
4.1	Sự nghiệp Giáo dục	180.286,0		180.286,0
4.2	Sự nghiệp Đào tạo (Trung tâm chính trị xã)	1.161,5		1.161,5
5	***Sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình***	***44.136,7***	***20.977,0***	***23.159,7***
6	***Sự nghiệp VHTT, TDTT, phát thanh, truyền hình***	***3.855,0***		***3.855,0***
7	***Sự nghiệp bảo đảm xã hội***	***99.738,3***	***67.833,0***	***31.905,3***
8	***Quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể***	***50.306,6***		***50.306,6***
8.1	Quản lý nhà nước	27.226,9		27.226,9
8.2	Văn phòng Đảng ủy	15.741,9		15.741,9
8.3	MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội	7.277,8	0,0	7.277,8

8.4	- Hỗ trợ hoạt động của tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp	60,0		60,0
9	***Chi an ninh, quốc phòng***	***758,0***		***758,0***
9.1	Chi an ninh (hoạt động)	90,0		90,0
9.2	Chi Quốc phòng	668,0		668,0
10	***Chi khác NS***	**5.216,9**		***5.216,9***
III	**Dự phòng ngân sách**	**13.662,0**		**13.662,0**
D	**10% tiết kiệm chi thường xuyên để CCTL** (tỉnh giữ lại)	**2.498,0**		**2.498,0**